

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHÍNH THỨC

22-01-2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

TỪ NGÀY 01/01/2008 ĐẾN NGÀY 31/12/2008

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 01 - 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008***MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3.396.042.090.671	3.172.432.265.737
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	340.633.634.582	117.818.399.217
1. Tiền	111		132.976.253.257	117.518.399.217
2. Các khoản tương đương tiền	112		207.657.381.325	300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		559.117.398.192	654.484.420.832
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	660.136.452.070	654.660.035.832
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(101.019.053.878)	(175.615.000)
III. Các khoản phải thu	130		646.384.971.761	654.722.035.522
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	530.148.996.144	505.234.650.816
2. Trả trước cho người bán	132		75.460.561.209	79.848.439.620
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	40.922.794.538	70.390.242.141
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(147.380.130)	(751.297.055)
IV. Hàng tồn kho	140		1.796.683.858.145	1.669.870.779.569
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.810.987.957.968	1.681.499.668.523
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(14.304.099.823)	(11.628.888.954)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.222.227.991	75.536.630.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	31.459.932.494	14.280.843.795
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.195.984.660	33.400.640.529
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	-	23.808.062.971
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.566.310.837	4.047.083.302

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008***MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.537.372.954.228	2.252.681.178.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		474.494.723	762.225.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		474.494.723	762.225.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.942.920.099.599	1.646.942.684.229
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.529.186.585.828	1.022.628.095.224
- Nguyên giá	222		2.618.637.470.902	1.963.815.921.472
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.089.450.885.074)	(941.187.826.248)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	50.868.169.138	20.714.476.300
- Nguyên giá	228		79.416.077.317	38.770.913.342
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(28.547.908.179)	(18.056.437.042)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	362.865.344.633	603.600.112.705
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		378.647.105.351	401.017.825.626
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	23.701.955.551	76.131.684.826
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	381.836.933.800	324.886.140.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.16	(26.891.784.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		215.331.254.555	203.958.443.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	195.512.328.998	195.630.397.387
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		18.796.680.317	8.016.847.896
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.022.245.240	311.198.000
VI. Lợi thế thương mại			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		5.933.415.044.899	5.425.113.443.875

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008***MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		1.367.948.150.613	1.073.225.591.521
I. Nợ ngắn hạn	310		1.221.336.400.093	933.353.236.344
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	188.221.936.000	9.963.436.000
2. Phải trả người bán	312	V.19	492.283.207.552	621.374.668.706
3. Người mua trả tiền trước	313		5.916.899.180	5.716.559.295
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	272.869.460.500	35.328.940.033
5. Phải trả người lao động	315		3.103.387.460	426.668.700
6. Chi phí phải trả	316	V.21	154.477.189.389	132.465.566.711
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	104.464.320.012	128.077.396.899
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		146.611.750.520	139.872.355.177
1. Phải trả dài hạn người bán	331		93.612.316.987	81.001.538.177
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	22.417.731.000	32.381.167.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.581.702.533	26.489.650.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.24	4.514.797.923.853	4.315.938.147.821
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.420.654.811.262	4.224.315.730.556
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.752.756.700.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.064.948.051.177	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		867.642.089.074	744.541.696.836
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		175.275.670.000	136.312.134.839
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		560.032.301.011	525.757.147.704
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		94.143.112.591	91.622.417.265
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		94.143.112.591	91.622.417.265
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		50.668.970.433	35.949.704.533
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		5.933.415.044.899	5.425.113.443.875

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		236.130.220	4.581.129.707
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		1.896.238,64	315.236
EUR		3.843,23	33.256
AUD		-	0,5
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

 Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng

 Lê Thành Liêm

lập ngày 22 tháng 01 năm 2009
 Tổng Giám Đốc

 Mai Kiều Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(Dạng đầy đủ)
Năm 2008**MẪU SỐ B02-DN**

Đơn vị tính: VND

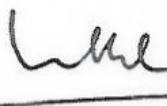
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	8.379.615.933.632	6.675.030.556.246
2. Các khoản giảm trừ	3		(171.580.600.304)	(137.280.426.321)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10		8.208.035.333.328	6.537.750.129.925
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(5.609.083.825.690)	(4.835.770.643.591)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		2.598.951.507.638	1.701.979.486.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	264.839.601.551	257.865.156.601
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(202.566.299.209)	(25.862.281.945)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(1.062.732.355.918)	(864.362.593.642)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(292.486.299.461)	(204.192.362.500)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) – (24+25)}	30		1.306.006.154.601	865.427.404.848
11. Thu nhập khác	31	VI.5	138.154.842.482	197.690.565.787
12. Chi phí khác	32	VI.6	(8.034.513.216)	(77.198.152.194)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		130.120.329.266	120.492.413.593
14. Phần lỗ trong liên doanh			(73.949.506.654)	(30.538.328.220)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.362.176.977.213	955.381.490.221
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(144.753.241.457)	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		10.779.832.421	8.016.847.896
18. Lợi ích của Cổ đông thiểu số			1.366.534.046	50.295.521
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)	60		1.229.570.102.223	963.448.633.638
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	7.015	5.607

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 22 tháng 01 năm 2009



Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2008****MẪU SỐ B 03-DN***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		1.362.176.977.213	955.381.490.221
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11 V.12	178.430.381.797	130.759.577.410
- Các khoản dự phòng	3		129.806.516.822	(6.350.157.127)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(5.703.525.494)	(28.288.520)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(26.174.822.406)	(167.062.715.393)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	27.000.964.897	11.667.170.690
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		1.665.536.492.829	924.367.077.281
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		13.354.826.116	(133.440.841.965)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(131.614.495.059)	(701.032.243.889)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(105.071.963.822)	242.376.218.310
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(17.061.020.310)	(69.942.955.517)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(25.986.374.716)	(11.590.950.405)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(101.861.076.253)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		55.905.352.935	48.864.287.200
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(103.947.210.567)	(180.136.968.078)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.249.254.531.154	119.463.622.937
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(422.156.928.089)	(722.292.759.779)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.216.736.588	2.005.360.069
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50.611.000.000)	(288.729.770.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.010.000.000	131.602.355.510
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(134.151.911.265)	(37.150.044.326)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.373.465.184	90.429.915.184
8. Khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con			20.000.000	9.942.610.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(509.299.637.542)	(814.192.333.342)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

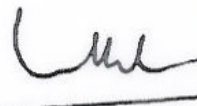
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.173.487.450.025
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		173.547.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.963.436.000)	(17.883.363.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(680.733.353.000)	(499.973.773.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(517.149.789.000)	655.630.314.025
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		222.805.104.612	(39.098.396.380)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		117.818.399.217	156.894.729.076
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61		10.130.753	22.066.521
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		340.633.634.582	117.818.399.217

Người lập biểu

 Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng

 Lê Thành Liêm



Lập ngày 22 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám Đốc

 Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN..
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 .
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 11/12/2006: Công ty TNHH Liên Doanh SabMiller Việt Nam thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 462023000041 do Ban Quản Lý Các KCN Tỉnh Bình Dương cấp.
- + Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/12/2008,

+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty liên doanh, công ty con như sau:

Các chi nhánh:

- CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy
- CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 175 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

Các nhà máy , xí nghiệp , phòng khám:

- Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- Nhà máy sữa Diélaç- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- Xí nghiệp Kho Vụn - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.
- Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12 TP HCM.
- Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò.
- Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thu, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn.
- Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Q1 TP HCM.
- Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II – Tỉnh Bình Dương
- Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Bắc Ninh

Công ty liên doanh:

- + Công ty TNHH Liên Doanh SABMILLER Việt Nam
 - Địa chỉ: Lô A KCN Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
 - Tỷ lệ góp vốn: 50%

Công ty con:

+ Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn

- Địa chỉ: KCN Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55%

+ Công ty Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

Công ty con: (gián tiếp thông qua Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế)

+ Công ty Cổ phần BĐS Chiến Thắng – Việt Nam

- Địa chỉ: 95 Lê Lợi, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 64,25%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 64,25%

Công ty liên kết:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

- Tỷ lệ phần sở hữu: 20 %

- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Trang trại mẫu Campina

- Địa chỉ trụ sở chính:

Công ty TNHH Campina Việt Nam

Tầng 11, 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 24,5 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,5%

+ Căn hộ Horizon

- Địa chỉ trụ sở chính:

Công ty địa ốc FICO

Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 25 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- l. Phòng khám đa khoa
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt .

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và kết thúc vào ngày 31/12/2008.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- + Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006
- + Tập đoàn soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.
- + Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- + Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- + Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- + Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:

- a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

+ Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

- Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:

- Cuối quý, cuối niên độ: đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được ghi nhận vào chi phí hay doanh thu tài chính.

<u>+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:</u>	31/12/2007	:	16.114 VNĐ/USD
	31/12/2008	:	16.977 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.
- b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:
 - + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
 - + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao hàng.
 - + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).
- c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:
Phương pháp kê khai thường xuyên.
- d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:
 - + Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo chính sách 06/CS-KSNB/2006 ban hành ngày 28/02/2008 (trên cơ sở tuân thủ Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2007 của Bộ Tài Chính)

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính .
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển đàn bò được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao

+ TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

- + TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo quyết định QĐ 67/QĐ-CTS-KTTK ngày 12/01/2004 do Công ty CP sữa Việt Nam ban hành cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5- 8
Bò tài sản	6

+ Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

+ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn không áp dụng trích khấu hao. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6. Đầu tư tài chính

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- + Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.
- + Đối với trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.
- + Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất kinh doanh trong kỳ, tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí sản xuất kinh doanh lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- + Trong năm 2008, Công ty không có phát sinh về nghiệp vụ vay vốn cho đầu tư XDCB và mua sắm tài sản cho nên toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước
 - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- + Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn chủ sở hữu), phần còn lại ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác:

+ Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

+ Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

+ Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm: chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lãi hoặc lỗ trong một kỳ.
 - Chi phí thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.
 - Chi phí thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với thu nhập theo kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa thuế và kế toán.
- + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

15. Phân loại lại:

Khoản chiết khấu thương mại đã được ghi nhận dưới dạng chi phí bán hàng cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là: **110.442.825.400 đồng** được phân loại sang khoản giảm trừ doanh thu để thống nhất với khoản chiết khấu thương mại trình bày trong thông tin tài chính niên độ kết thúc ngày 31/12/2008. Việc phân loại không làm thay đổi lợi nhuận sau thuế của niên độ kết thúc ngày 31/12/2007.

16. Hợp nhất báo cáo

Công ty con

- + Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt nhất kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

- + Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.

- + Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

Liên doanh và công ty liên kết

- + Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- + Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

+ Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với liên doanh và công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào liên doanh và công ty liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh và công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	647.909.279	1.063.809.801
- Tiền gửi ngân hàng	130.543.561.635	109.560.397.063
- Tiền đang chuyển	1.784.782.343	6.894.192.353
- Các khoản tương đương tiền	207.657.381.325	300.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	205.257.381.325	300.000.000
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	2.400.000.000	-
Cộng	<u>340.633.634.582</u>	<u>117.818.399.217</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	345.351.702.070	451.863.535.832
• Cổ phiếu	345.346.702.070	436.453.535.832
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	5.000.000	15.410.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	314.784.750.000	202.796.500.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	106.816.500.000	5.400.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	207.968.250.000	197.396.500.000
Cộng	<u>660.136.452.070</u>	<u>654.660.035.832</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(101.019.053.878)	(175.615.000)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>(101.019.053.878)</u>	<u>(175.615.000)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	374.571.347.555	335.071.014.673
- Khách hàng nước ngoài	155.577.648.589	170.163.636.143
Cộng	<u>530.148.996.144</u>	<u>505.234.650.816</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	275.784.202
- Lãi tiền gửi phải thu	9.694.728.839	5.247.469.179
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	10.708.531.889	1.624.353.373
- Cho vay ngắn hạn	-	-
- Thuế NK còn được hoàn	11.904.998.960	8.001.051.227
- Cổ phiếu Quỹ Phúc lợi	-	24.322.126.897
- Campina	-	18.624.116.500
- NH TMCP Bảo Việt	3.200.000.000	-
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	741.940.306	5.533.720.609
- Phải thu khác	4.672.594.544	6.761.620.154
Cộng	<u>40.922.794.538</u>	<u>70.390.242.141</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(120.504.562)	(751.297.055)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(107.673.844)	-
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(12.830.718)	(74.055.940)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	(677.241.115)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(26.875.568)	-
Cộng	<u>(147.380.130)</u>	<u>(751.297.055)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	219.523.626.450	357.959.571.278
- Nguyên liệu, vật liệu	1.231.150.285.523	1.013.209.707.816
- Công cụ, dụng cụ	5.756.414.442	1.838.131.994
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.741.450.989	61.621.220.159
- Thành phẩm	242.486.506.903	238.567.706.820
- Hàng hóa	10.709.679.756	7.967.147.499
- Hàng gửi đi bán	130.843.905	336.182.957
- Hàng hóa bất động sản	27.489.150.000	-
Cộng	<u>1.810.987.957.968</u>	<u>1.681.499.668.523</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(9.457.531.846)	(4.936.860.851)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(3.728.140.954)	(1.721.265.504)
- Nhiên liệu	(31.489.193)	-
- Thành phẩm	(901.295.089)	(4.874.999.995)
- Hàng hóa	(185.642.741)	(95.762.604)
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng	<u><u>(14.304.099.823)</u></u>	<u><u>(11.628.888.954)</u></u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	856.186.002	27.278.207.281	25.375.717.376	1.117.184.512	1.641.491.395
- Chi phí quảng cáo	4.347.475.420	36.632.763.789	33.107.206.678	-	7.873.032.531
- Chi phí tư vấn pháp lý	-	12.165.649.734	12.147.903.737	17.745.997	-
- Chi phí tu đồng, tu mát	3.952.424.940	23.387.001.262	18.846.391.182	-	8.493.035.020
- Chi phí thuê đất, nhà xưởng, VP, ụ kệ	1.583.305.206	19.003.330.535	14.595.737.380	-	5.990.898.361
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.179.614.804	10.771.180.759	10.382.062.309	392.446.046	2.176.287.208
- Chi phí khác	1.361.837.423	30.661.680.343	20.110.077.183	6.628.252.604	5.285.187.979
Cộng	<u><u>14.280.843.795</u></u>	<u><u>159.899.813.703</u></u>	<u><u>134.565.095.845</u></u>	<u><u>8.155.629.159</u></u>	<u><u>31.459.932.494</u></u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	23.808.062.971
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
- Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>23.808.062.971</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ 01/01/2008	345.292.315.854	1.368.194.447.440	159.493.413.971	73.688.912.048	17.146.832.159	1.963.815.921.472
Mua trong năm	629.984.087	22.692.491.004	44.141.213.173	13.263.406.273	414.972.785	81.142.067.322
Đầu tư XDCB hoàn thành	159.484.907.070	374.311.614.024	52.436.197.304	3.107.461.839	7.090.293.975	596.430.474.212
Tăng do nhận góp vốn	215.000.000	-	-	-	-	215.000.000
Tăng khác	89.130.571	-	-	-	-	89.130.571
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	554.588.000	17.716.334.275	968.012.672	521.312.901	3.205.744.256	22.965.992.104
Giảm khác	-	89.130.571	-	-	-	89.130.571
Số dư cuối kỳ 31/12/2008	505.156.749.582	1.747.393.087.622	255.102.811.776	89.538.467.259	21.446.354.663	2.618.637.470.902
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ 01/01/2008	129.680.505.361	685.004.462.160	80.112.166.048	43.835.870.214	2.554.822.465	941.187.826.248
Khấu hao trong năm	19.990.230.935	114.039.230.105	14.252.306.327	16.028.178.092	3.628.965.199	167.938.910.659
Tăng do nhận góp vốn	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	1.485.510	10.768.059.236	-	-	-	10.769.544.746
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	40.451.931	17.577.900.954	868.241.935	481.814.666	697.622.139	19.666.031.625
Giảm khác	10.767.759.236	674.810	300.000	810.700	9.820.208	10.779.364.954
Số dư cuối kỳ 31/12/2008	138.864.010.639	792.233.175.737	93.495.930.440	59.381.422.940	5.476.345.317	1.089.450.885.074
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	215.611.810.493	683.189.985.280	79.381.247.923	29.853.041.834	14.592.009.694	1.022.628.095.224
Tại ngày cuối năm	366.292.738.943	955.159.911.885	161.606.881.336	30.157.044.319	15.970.009.346	1.529.186.585.828

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu kỳ 01/01/2008	19.899.547.200	-	-	18.871.366.142	38.770.913.342
Mua trong năm	-	-	-	8.353.636.500	8.353.636.500
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	16.440.727.475	16.440.727.475
Tăng do góp vốn	15.850.800.000	-	-	-	15.850.800.000
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/12/2008	35.750.347.200	-	-	43.665.730.117	79.416.077.317
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ 01/01/2008	11.608.069.186	-	-	6.448.367.856	18.056.437.042
Khấu hao trong năm	-	-	-	10.491.471.137	10.491.471.137
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/12/2008	11.608.069.186	-	-	16.939.838.993	28.547.908.179
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại ngày đầu năm	8.291.478.014	-	-	12.422.998.286	20.714.476.300
Tại ngày cuối năm	24.142.278.014	-	-	26.725.891.124	50.868.169.138

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu kỳ	603.600.112.705	319.963.046.679
Tăng trong kỳ	374.289.817.550	524.504.285.224
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	596.430.474.212	240.865.124.066
Chuyển sang TSCĐ vô hình	16.440.727.475	-
Chuyển sang HTK	15.082.000	-
Thanh lý	2.138.301.935	2.095.132
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	362.865.344.633	603.600.112.705

Trong đó có các công trình lớn là:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hệ thống ERP II - VPCT	805.752.934	21.896.863.875
- MMTB cho trại bò Nghệ An - VPCT	17.492.147.752	4.088.279.244
- Máy phân tích sữa nhanh cho NM Sữa Trường Thọ, Sài Gòn & Hà Nội	5.415.393.750	-
- Bò sữa Nhon Tân - VPCT	4.538.237.124	3.641.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

- Dây chuyền cà phê hòa tan E&E - NM Cà phê Sài Gòn	162.225.618.017	153.453.192.097
- Trang trại bò sữa Nghệ An - VPCT	23.258.911.287	4.382.280.705
- Dự án máy A3 Speed Saigonmilk - NM sữa Sài Gòn	49.586.035.942	-
- Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội	8.518.121.706	7.664.304.347
- San nền, xây dựng hàng rào - Xây dựng mở rộng NM sữa Hà Nội	4.072.650.000	-
- Di dời xưởng thiếc In - NM sữa Sài Gòn	4.684.130.635	-
- 33 Xe tải Hyundai Porter 1.25T - Chi nhánh Cần Thơ	7.593.142.854	-
- Tòa nhà văn phòng CNCT - Chi nhánh Cần Thơ	36.670.313.505	-
- Hệ thống chế biến sữa tươi và Yogurt Tiên Sơn - NM Sữa Tiên Sơn	-	55.402.194.173
- Máy rót hộp Slim TBA 22 C/S : 20,000 hộp/giờ - NM Sữa Tiên Sơn	-	22.490.566.568
- Máy rót sữa TPA3 Flex (26 1024) - NM Sữa Trường Thọ	-	31.583.603.240
- Dây chuyền chiết rót sữa chua men sống - SGM - NM sữa Sài Gòn	-	15.838.800.000
- Dây chuyền chế biến sữa đặc - NM sữa Cần Thơ	-	20.423.970.280
- XDCB NM sữa Tiên Sơn	-	63.522.575.455
- Giai đoạn II - Nhà kho 10.000m2 - CN Cần Thơ	-	17.267.552.111
- Các công trình khác	38.004.889.127	185.582.289.610

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Công ty TNHH Liên doanh SABMiller Việt Nam	50,00%	50,00%	-
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.492.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
Cộng			23.701.955.551

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

15. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	225.796.933.800	234.383.781.300
- Đầu tư trái phiếu	3.240.000.000	5.645.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	50.000.000.000
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	152.800.000.000	34.857.359.500
Cộng	<u>381.836.933.800</u>	<u>324.886.140.800</u>

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(26.891.784.000)	-
- Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>(26.891.784.000)</u>	<u>-</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	195.613.205.387	6.320.160.000	-	8.019.316.580	193.914.048.807
- CP trả trước dài hạn khác	17.192.000	1.596.137.793	15.049.602	-	1.598.280.191
Cộng	<u>195.630.397.387</u>	<u>7.916.297.793</u>	<u>15.049.602</u>	<u>8.019.316.580</u>	<u>195.512.328.998</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	178.258.500.000	-
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	<u>188.221.936.000</u>	<u>9.963.436.000</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	214.836.737.769	278.707.791.658
- Nhà cung cấp nước ngoài	267.809.425.037	337.801.819.596
- Nhà phân phối	9.637.044.746	4.865.057.452
Cộng	<u>492.283.207.552</u>	<u>621.374.668.706</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

20. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.348.744.506	280.395.370.184	277.962.580.956	6.781.533.734
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	17.258.619.089	205.444.429.937	216.615.782.334	6.087.266.692
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	9.605.749.687	134.543.089.487	141.807.745.595	2.341.093.579
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.808.062.971)	369.877.643.954	101.861.076.253	244.208.504.730
- Thuế thu nhập cá nhân	3.876.217.594	47.027.010.698	37.722.979.788	13.180.248.504
- Thuế tài nguyên	-	180.919.750	174.507.130	6.412.620
- Thuế nhà đất	-	41.420.000	41.420.000	-
- Tiền thuê đất	-	950.871.000	950.871.000	-
- Các loại thuế khác	239.609.157	2.927.952.187	2.903.160.703	264.400.641
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	<u>11.520.877.062</u>	<u>1.041.388.707.197</u>	<u>780.040.123.759</u>	<u>272.869.460.500</u>

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, thưởng bán hàng cho khách hàng	117.125.935.540	86.308.602.287
- Chi phí quảng cáo	21.470.581.127	28.292.247.559
- Chi phí vận chuyển	5.139.294.140	6.206.064.788
- Chi phí xuất khẩu	45.346.969	2.547.456.075
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.531.249.695	3.436.320.452
- Chi phí phải trả khác	9.164.781.918	5.674.875.550
Cộng	<u>154.477.189.389</u>	<u>132.465.566.711</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	239.222.378
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.454.500	16.939.547
- Kinh phí công đoàn	514.740.885	1.309.936.511
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.247.400.000	10.390.100.000
- Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	-	-
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	40.267.609.757	63.485.696.426
- Phải trả cho cổ đông góp vốn mua cổ phiếu đầu tư	23.016.600.000	23.016.600.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.416.514.870	29.618.902.037

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>104.464.320.012</u>	<u>128.077.396.899</u>
23. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	22.417.731.000	32.381.167.000
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>22.417.731.000</u>	<u>32.381.167.000</u>
<i>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn</i>		
Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000	
Trên 1 năm đến 5 năm	22.417.731.000	
Trên 5 năm	-	
Tổng nợ	<u>32.381.167.000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

24. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	9
Số dư đầu năm trước	1.590.000.000.000	54.217.301.152	580.103.285.725	88.139.766.944	54.683.997.354	371.237.801.860	2.738.382.153.035
- Tăng vốn trong năm trước	162.756.700.000	1.010.730.750.025	-	-	-	-	1.173.487.450.025
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	963.448.633.638	963.448.633.638
- Trích lập các quỹ	-	-	164.438.411.111	48.172.367.895	96.344.735.788	(308.955.514.794)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	1.364.287.200	-	1.364.287.200
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(499.973.773.000)	(499.973.773.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(60.770.603.077)	-	(60.770.603.077)
Số dư đầu năm nay	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	744.541.696.836	136.312.134.839	91.622.417.265	525.757.147.704	4.315.938.147.821
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.229.570.102.223	1.229.570.102.223
- Trích lập các quỹ	-	-	123.100.392.238	38.963.535.161	123.100.392.238	(285.164.319.637)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	3.783.738.872	9.820.154	3.793.559.026
- Cổ tức	-	-	-	-	2.841.760.000	(683.575.113.000)	(680.733.353.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(127.205.195.784)	(226.565.336.433)	(353.770.532.217)
Số dư cuối quý này	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	867.642.089.074	175.275.670.000	94.143.112.591	560.032.301.011	4.514.797.923.853

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	834.312.189.200	47,60%	834.312.189.200	47.60%
- Vốn góp của Nước ngoài	781.378.936.860	44,58%	782.255.315.210	44.63%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	137.065.573.940	7,82%	136.189.195.590	7.77%
- Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948.051.177		1.064.948.051.177	
Cộng	<u>2.817.704.751.177</u>		<u>2.817.704.751.177</u>	

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

• <i>Cổ tức năm trước</i>	175.275.670.000
• <i>Cổ tức năm nay</i>	508.299.443.000
Cộng	<u>683.575.113.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	8.379.615.933.632	6.675.030.556.246
• <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	103.657.104.738	122.976.773.473
• <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	8.264.868.851.163	6.535.534.245.294
• <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.089.977.731	16.519.537.479
Các khoản giảm trừ doanh thu:	171.580.600.304	137.280.426.321
• <i>Chiết khấu thương mại</i>	141.198.481.541	132.121.718.374
• <i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-
• <i>Hàng bán bị trả lại</i>	30.382.118.763	5.158.707.947
Doanh thu thuần	<u>8.208.035.333.328</u>	<u>6.537.750.129.925</u>

Trong đó:

• <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	8.196.945.355.597	6.521.230.592.446
• <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	11.089.977.731	16.519.537.479

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	88.489.138.620	98.648.176.778
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	5.503.085.959.287	4.727.407.464.444
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.444.718.659	6.397.383.950
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	629.682.715	216.488.853
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	15.050.041.207	4.027.651.371
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	384.285.202	(926.521.805)
Cộng	<u>5.609.083.825.690</u>	<u>4.835.770.643.591</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	56.319.826.185	82.552.014.321
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.818.832.847	3.487.300.479
- Lãi trái phiếu	3.593.443.516	1.518.761.290
- Lãi tiền cho vay	130.918.607	210.331.262
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.684.653.769	9.972.969.679
- Cổ phiếu thưởng	5.205.360.000	1.075.200.000
- Lãi đầu tư chứng khoán	119.553.122.922	149.249.863.402
- Lãi chênh lệch tỷ giá	46.049.895.011	8.837.130.463
- Khác	5.483.548.694	961.585.705
Cộng	<u><u>264.839.601.551</u></u>	<u><u>257.865.156.601</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi vay ngân hàng	23.601.705.417	691.996.807
- Lãi vay các tổ chức khác, lãi ký quỹ	3.399.259.480	10.975.173.883
- Lỗ đầu tư chứng khoán	-	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	515.420.758	689.748.490
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.314.690.676	14.758.698.734
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	100.843.438.878	(1.524.385.000)
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	26.891.784.000	-
- Khác	-	271.049.031
Cộng	<u><u>202.566.299.209</u></u>	<u><u>25.862.281.945</u></u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.264.928.927	69.125.450.901
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	50.029.663.588	54.171.079.135
- Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản	-	-
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	4.190.347.536	4.852.411.940
- Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	73.558.284.734	44.433.152.982
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	11.435.276
- Thu được từ các khoản thuế được hoàn	2.563.143.600	1.804.154.443
- Thu nhập từ việc hoàn nhập CP trích trước của năm trước không sử dụng hết	1.101.133.171	14.484.894.418
- Thu nhập khác	2.447.340.926	8.807.986.692
Cộng	<u><u>138.154.842.482</u></u>	<u><u>197.690.565.787</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	3.299.960.479	73.515.201.716
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	48.192.339	323.033.220
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	3.147.782.942	613.585.245
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	423.241.099	15.000.000
- Thuế bị phạt, bị truy thu	300.000	221.539.285
- Chi phí khác	1.115.036.357	2.509.792.728
Cộng	<u>8.034.513.216</u>	<u>77.198.152.194</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.229.570.102.223	963.448.633.638
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.229.570.102.223	963.448.633.638
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.275.670	171.838.389
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.015</u>	<u>5.607</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	159.000.000
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2008	-	-
- Ảnh hưởng của 7.950.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 01 năm 2007	-	7.318.356
- Ảnh hưởng của 8.325.670 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 04 tháng 05 năm 2007	-	5.520.033
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>175.275.670</u>	<u>171.838.389</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.215.150.685.434	4.538.607.962.063
- Chi phí nhân công	405.371.492.317	279.398.833.708
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.696.627.577	127.692.698.549
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.627.399.746	218.659.261.339
- Chi phí khác	1.081.088.180.984	882.852.413.258
Cộng	<u>7.170.934.386.058</u>	<u>6.047.211.168.917</u>

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.181.797.669.288	4.519.652.342.601
- Chi phí nhân công	227.320.209.376	163.823.906.192
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.805.488.868	99.592.224.230
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.412.525.149	74.810.481.399
- Chi phí khác	188.379.837.998	120.777.258.353
Cộng	<u>5.815.715.730.679</u>	<u>4.978.656.212.775</u>

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	95.977.696.303	56.527.172.054
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.462.865.102	12.011.894.970
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	18.663.760.973	20.804.718.041
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.717.942.668	2.058.490.618
- Chi phí bảo hành	2.187.090.728	695.983.173
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.643.596.427	94.323.151.998
- Chi phí khác bằng tiền	792.079.403.717	677.941.182.788
Cộng	<u>1.062.732.355.918</u>	<u>864.362.593.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	82.073.586.638	59.047.755.462
- Chi phí vật liệu quản lý	5.890.151.044	6.943.724.492
- Chi phí đồ dùng văn phòng	10.918.664.332	4.963.324.987
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.173.196.041	26.041.983.701
- Thuế, phí, lệ phí	2.741.401.804	2.698.605.364
- Chi phí dự phòng	5.932.227.813	22.685.489.268
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.571.278.170	49.525.627.942
- Chi phí khác bằng tiền	60.185.793.619	32.285.851.284
Cộng	<u><u>292.486.299.461</u></u>	<u><u>204.192.362.500</u></u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

- a. **Nhiệm vụ và số dư với cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”) và Chính phủ Việt Nam**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi trả cổ tức	<u><u>325.830.751.000</u></u>	<u><u>238.162.400.000</u></u>

- b. **Nhiệm vụ và số dư với SABMiller – công ty liên doanh**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán tài sản	-	57.182.117.100
Cho vay	-	80.830.000.000
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>138.012.117.100</u></u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán, số dư khoản cho SABMiller vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho SABMiller vay	<u><u>207.968.250.000</u></u>	<u><u>197.396.500.000</u></u>

- a. **Nhiệm vụ và số dư với Công ty Cổ phần Bao Bì Dầu Thực Vật (“VOJSC”) – công ty nhận đầu tư**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua nguyên vật liệu	<u><u>112.485.345.434</u></u>	<u><u>100.961.012.690</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả với Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật	<u>8.317.779.318</u>	<u>11.724.106.470</u>

b. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

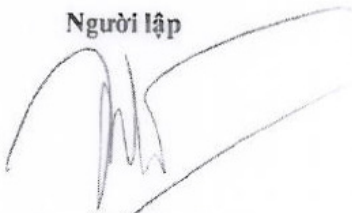
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>33.400.654.795</u>	<u>13.917.629.633</u>

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Năm 2008		Năm 2007	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.162.068.895.403	1.217.547.038.229	5.998.310.337.116	676.720.219.130
2. Các khoản giảm trừ	169.792.120.304	1.788.480.000	137.280.426.321	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	6.992.276.775.099	1.215.758.558.229	5.861.029.910.795	676.720.219.130
4. Giá vốn hàng bán	4.725.259.842.772	883.823.982.918	4.271.023.490.124	564.747.153.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	2.267.016.932.327	331.934.575.311	1.590.006.420.671	111.973.065.663

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2009

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng

Lê Thành Liêm

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

